

Số: 50/2020/QĐST-HNGĐ

Đức Hòa, ngày 16 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 1292/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **08 tháng 01 năm 2020** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị C và ông Trần Minh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị C và ông Trần Minh T tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà Lê Thị C và ông Trần Minh T thống nhất là ông Trần Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 17/04/2010, giới tính: Nam. Bà Lê Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Bà Lê Thị C và ông Trần Minh T đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị C và ông Trần Minh T đều xác nhận không có nợ ai.

Về án phí: Bà Lê Thị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004303 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà Lê Thị C số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- UBND xã Y.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ TÊN VÀ ĐÓNG DẤU)

Trần Hồng Sơn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).